

Số: 20 /2024/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 235/TTr-STC ngày 11/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Doanh nghiệp có tài sản cố định do Nhà nước giao quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù

1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định chi tiết tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ nội dung quy định tại Quyết định này thực hiện hạch toán kế toán theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và kiến nghị các khó khăn vướng mắc (nếu có) gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2024.

2. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6, Phụ lục 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

3. Những tài sản cố định vô hình, tài sản cố định đặc thù đã được hạch toán kế toán trên sổ sách theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Phụ lục 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tiếp tục thực hiện theo quy định. Đối với tài sản chưa được hạch toán kế toán trên sổ sách theo dõi kế toán thì thực hiện theo Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành đoàn thể thuộc tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo Lào Cai; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



TT	DANH MỤC	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
I	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học	50	2
2	Quyền tác giả khác	50	2
3	Tài liệu giáo dục địa phương	50	2
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng phát minh, sáng chế	20	5
III	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ giống cây trồng thân gỗ và cây leo thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
3	Quyền đối với giống cây trồng (Chứng nhận vườn giống gốc, vườn cây đầu dòng)	5	20
IV	Phần mềm ứng dụng		
1	Nhóm phần mềm hệ thống	5	20
2	Nhóm phần mềm ứng dụng	5	20
3	Nhóm phần mềm công cụ	5	20
4	Nhóm phần mềm tiện ích	5	20
5	Các phần mềm khác	5	20
V	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20



PHỤ LỤC 02

DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	DANH MỤC
I	Hiện vật dân tộc học
1	Bộ trang phục (y phục, trang sức) trang phục thầy cúng, địu, túi đeo các dân tộc tỉnh Lào Cai
2	Bộ sưu tập nhạc cụ các dân tộc tỉnh Lào Cai (khèn, sáo, đàn,...)
3	Bộ sưu tập hiện vật liên quan đến nông nghiệp (Cày, bừa, cuốc, liềm, dao các loại, cào cỏ, nhíp hái lúa, thùng đập lúa, nèo đập lúa, rỏ, rá, sọt gánh thóc, cót phơi thóc, thùng đập lúa,..)
4	Bộ sưu tập đồ dùng sinh hoạt các dân tộc (chày, cối, va ly, gùi, bàn, ghế, mâm,...)
5	Bộ sưu tập sách cổ, tranh thờ và nhạc cụ nghi lễ (nhị, trống, chũm chọe, thanh la, tù và,...)
6	Bộ sưu tập hiện vật nghề truyền thống các dân tộc (nghề dệt, rèn đúc, chạm khắc bạc, mộc)
II	Hiện vật khảo cổ học, cổ vật
1	Bộ sưu tập hiện vật kim khí (trống đồng, chuông đồng, thạp đồng, mũi tên, vòng tay, sủng, tượng nữ thần ...)
2	Bộ sưu tập hiện vật đồ đá (riêu đá, chày nghiền, cối đá, vòng tay, khuyên tai ...)
3	Bộ sưu tập dụng cụ, đồ dùng sinh hoạt thời phong kiến (bát, đĩa, vò, bình, nậm ...)
4	Bộ sưu tập hiện vật cổ sinh (xương răng động vật hóa thạch phát hiện tại hang Mã Tuyền)
5	Bộ sưu tập hiện vật vật liệu xây dựng, mỹ thuật (gạch, ngói, đầu rồng trang trí,...)
III	Hiện vật kháng chiến, cách mạng
1	Các tư liệu giấy, hiện vật liên quan đến: Chủ tịch Hồ Chí Minh; lịch sử cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tiểu phi, bảo vệ Biên giới Lào Cai.
2	Phim, ảnh tư liệu trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tiểu phi, bảo vệ Biên giới Lào Cai.

IV	Hiện vật tư liệu cận hiện đại
1	Hiện vật, tư liệu thời kỳ chuyển đổi từ bao cấp sang kinh tế thị trường, tái lập tỉnh Lào Cai
2	Phim ảnh tư liệu về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, đối ngoại, quốc phòng an ninh, ... liên quan đến tỉnh Lào Cai qua các thời kỳ.
V	Di tích được xếp hạng (cấp Quốc gia đặc biệt, cấp Quốc gia và cấp tỉnh)
1	Di tích lịch sử
2	Di tích kiến trúc nghệ thuật
3	Di tích khảo cổ
4	Danh lam thắng cảnh
VI	Các hiện vật, tư liệu đơn lẻ khác được sưu tầm, kiểm kê, bảo quản tại Bảo tàng tỉnh theo Thông tư số 11/2023/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2012 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch quy định về sưu tầm hiện vật của Bảo tàng công lập

④

